BỒI DƯỠNG THƯỜNG XUYÊN HÈ 2018-2019

**CHUYÊN ĐỀ: BỒI DƯỠNG KĨ NĂNG VIẾT CHO HỌC SINH LỚP 9**

1. **What is writing?**

+ Writing is one of the four language skills: reading, writing, listening and speaking.

+ Writing is a productive skill.

+ It involves producing language rather than receiving it.

**What do you often write or ask students to write?**

* A shopping list
* A postcard
* A birthday card
* Some emails
* Diary
* Text messages
* Stories

1. **What does writing involve?**
2. **text type**

**each text type has**:

+ **different characteristics**, e.g. single word only, short sentences or long sentences, use or non-use of note form, addresses or paragraphs

+ **different degrees of formality**

+ **different layouts**

+ **different ways of ordering information**

1. **writing subskills**.

Some subskills related to **accuracy** (spelling correctly, forming letters correctly, joining letters correctly, writing legibly, punctuating correctly, using correct layout, choosing the right vocabulary, using grammar correctly, joining sentences correctly and correctly using paragraphs)

The subskills related to **communicating** our ideas include using appropriate style and register, organizing ideas in a helpful way, using the features typical of the text type we are writing, joinging our words and sentences clearly and using appropriate functions to express our meaning, e.g. narrating, complaining, requestiong, thanking, summarising, concluding.

**Cohesion:**

Cohesive devices: and, but, first, then, in addition, finally, however, nevertheless, absolutely, definitely, in conclusion, .for example, …

**Stages of writing:**

* Working out that you want to say, i.e. getting or developing ideas (brainstorming)
* Working out the order in which you want to say it, i.e. planning/ organising ideas (outline)
* Drafting/ writing the first draft (the first version (or form) of a piece of writing, that may well be changed)
* Editing (correcting and improving the content of the text)
* Proofreading (checking for mistakes, in accuracy and correcting)
* Re-drafting (writing a second/ final version of your piece of writing)

**Tầm quan trọng của việc rèn luyện kĩ năng viết:**

* Writing là 1 trong 4 kĩ năng quan trọng trong việc học 1 ngôn ngữ. (Listening –   
  Speaking – Reading – Writing). Viết là 1 kĩ năng khó, đòi hỏi người viết phải vững cấu trúc ngữ pháp, ý tưởng và lượng từ vựng phong phú, tùy vào tình huống và người đọc cụ thể mà người viết chọn văn phong , ngôn ngữ viết phù hợp (formal hay informal)
* Là kĩ năng chiếm tỉ lệ điểm cao trong các bài kiểm tra và thi học kì, thi tuyển sinh. (25%)
* Theocông văn số 5333/ BGDĐT-GDTrH về việc triển khai đánh giá theo định hướng phát triển năng lực môn tiếng Anh cấp trung học từ năm học 2014-2015 ngày 29 tháng 9 năm 2015 của BGDĐT, Kiểm tra viết bao gồm các kỹ năng nghe, đọc, viết và kiến thức ngôn ngữ. Trong đó, kỹ năng viết có 2 phần nhỏ gồm từ 5 câu hỏi trở lên.
* **Phần 1**: Giáo viên lựa chọn dạng câu hỏi phù hợp từ những loại hình gợi ý sau: *Complete the sentences with a word or a phrase (pictures can be used); Arrange the words to make complete sentences; Use the provided words or phrases to write complete sentences/Transformation; Sentence completion*; và các dạng câu hỏi viết phù hợp khác để kiểm tra kỹ năng viết của học sinh.
* **Phần 2:** *Use the provided words or phrases to write a complete paragraph; Use the provided words or phrases to write a short passage; Reordering; Write short passages about relevant and familiar topics; Composition/ Essay writing*

**NỘI DUNG:**

***Phần 1:*** *Complete the sentences with a word or a phrase (pictures can be used); Arrange the words to make complete sentences; Use the provided words or phrases to write complete sentences/Transformation; Sentence completion*;

Theo chương trình học, các em thường được yêu cầu viết câu bị động, gián tiếp, ao ước, câu điều kiện, mệnh đề quan hệ, mệnh đề nhân – quả, ngữ danh từ, ngữ động từ…

1. I think you should put a good lock on your door, John.” Said Susan.

🡪Susan suggested that **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

1. Carol plays the piano brilliantly. She is only 9 years old.  
   Carol  \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_
2. My mother told me to go to school although I was sick.  
   => In spite of **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**
3. Tom was admitted to the university although his grades were bad.  
   🡪 Despite **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**.
4. Although he has a physical handicap, he has become a successful business man.  
   => Despite \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.
5. John is fat because he eats so many chips.

If

1. Unless Nga hurries, she will miss the last train.

If

1. Thailand is the leading rice-exporting country in the world. Thailand is a member of the ASEAN.

Thailand, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. Peter was careless, so he lost the game.

→ Since\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

1. If people go on wasting water, \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

*Complete the second sentence so that it has a similar meaning to the first sentence, using the word in brackets. Do not change the word given. You must use FOUR WORDS, INCLUDING THE WORD GIVEN. Only write the four words on your answer sheet. Long answers will NOT be marked.*

1. His mother is going to give him a diamond.

A diamond is going to \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_by his mother. (**given**)

1. It is very small, so we can’t live in this room. (**us**)

This room is too \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_live in.

1. The man is so fool that no one took any notice of him. (**a**)

* He is such \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ no one took any notice of him.

1. I live far from the beach. (**near**)

* I wish \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ beach.

1. Do the test carefully or you may get bad mark. (**carelessly**)

* You may get bad mark if you

1. Sarah said, “I must go now,” (**had**)

* Sarah said\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ then.

1. Because she was ill, she didn’t go to school.(**illness**)

🡪She didn’t go to school \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_.

8. Laurence last wrote to me in 2001. (**since**)

-> Laurence has not ..................................................................2001.

9. Tet is a festival. Tet occurs in late January or early February. (**happens**)

Tet is a festival \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ January or early February.

10. “Why don’t you take part in the English Speaking club, Hoa?” (**join**)

She advised \_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ the English Speaking club.

**Phần 2:** *Use the provided words or phrases to write a complete paragraph; Use the provided words or phrases to write a short passage; Reordering; Write short passages about relevant and familiar topics; Composition/ Essay writing*

**Các bước tiến hành**

1. **Hướng dẫn học sinh lập dàn ý (outline):** để làm tốt được phần này, học sinh phải đọc kĩ và hiểu đề. Đề yêu cầu viết gì, số lượng từ bao nhiêu, câu chủ đề và câu phát triển ý cần được triển khai thế nào…
2. **Hướng dẫn học sinh hình thành câu:** thành phần câu gồm chủ từ động từ chia theo thì, tính từ, trạng từ…

Câu đơn (simple sentence): Khi viết từng câu đơn, các em phải nắm vững cấu trúc: **Chủ ngữ + động từ … (S + V + …)**, đảm bảo động từ phải được chia theo thì phù hợp.

Câu phức (**complex sentence**) Sau khi hình thành được những câu đơn, các em nên sử dụng từ nối (connectives, conjunctions) để liên kết câu, làm cho đoạn văn phong phú, đa dạng hơn. Các dạng câu phức ở chương trình các em thường học là: câu điều kiện, câu với mệnh đề quan hệ, các mệnh đề chỉ mối quan hệ nhân – quả, mệnh đề trạng ngữ chỉ thời gian…

1. **Hướng dẫn học sinh liên kết câu, từ, ngữ:** học sinh phài hiểu rõ nghĩa và chức năng của các từ nối để liên kết các câu đơn tạo thành câu phức, làm đa dạng hóa bài viết.

Liên kết câu để đảm bảo tính mạch lạc (coherence) cho đoạn văn. Trong quá trình học, các em đã được học cách sử dụng các từ nối (connectives), cohesive devices và liên từ (conjunctions) và khi viết đoạn văn là lúc các em vận dụng bài học vào thực tế để đoạn văn có tính liên kết (cohesion).

* And
* But
* Or
* So
* Because
* Although
* If
* Therefore
* For example,
* In conclusion,
* …

Việc sử dụng từ nối để liên kết câu, để minh họa hoặc để phát triển ý phải phù hợp mới thể hiện được sự mạch lạc, rõ ràng và logic của đoạn văn.

1. **Hướng dẫn học sinh sử dụng dấu câu( Punctuation):**

Punctuations là phần rất quan trọng khi viết. Học sinh cần được sửa lỗi thường xuyên và ghi nhớ phần này. Punctuations thường được dùng trong đoạn văn gồm:

* Chữ viết hoa (capital letter) được dùng ở đầu câu, danh từ riêng, các thứ trong tuần, các tháng trong năm, đại từ *I*.
* Dầu chấm câu (Full stop) được đặt ở cuối câu (sentence).
* Dấu phẩy (comma) khi liệt kê và chia những câu dài theo từng ý, từng cụm …
* Dấu chấm than (exclamation mark) ở cuối câu cảm thán.
* Dấu chấm hỏi (Question mark) ở cuối câu hỏi.

1. **Hình thành đoạn văn**

Học sinh cần xác định được hình thức và bố cục của một đoạn văn như thế nào, câu chủ đề và các câu phát triển phải liên kết nhau ra sao, sử dụng từ nối như thế nào cho hiệu quả để tạo một đoạn văn, một bài văn có bố cục mạch lạc, logic…

1. **Sửa lỗi và giúp học sinh tự sửa lỗi hoặc sửa lỗi chéo**

Sửa lỗi đóng một vai trò quan trọng trong quá trình học tiếng Anh. Mục đích của sửa lỗi là giúp học sinh thấy được lỗi sai và có thể tự sửa lỗi.

ERROR CORRECTION CODES

**S/V**: Subject and verb agreement sự hòa hợp giữa Chủ ngữ và Động từ.

**VT:** verb tense sai thì

**S/P**: singular or plural - danh từ số ít hay số nhiều

**WC** word choice - cách dùng từ

**^** missing word- thiếu từ

**/** unnecessary word- dư từ

**WO** word order -trật tự từ

**C** capitalization -viết hoa

**Sp** Spelling -chính tả

**WF** wrong form -sai dạng của động từ

**Thảo luận nhóm**

Mỗi nhóm viết về 1 trong 10 chủ đề sau: (10 phút)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Bài** | **Chủ để** | **Yêu cầu** |
| **1** | A VISIT FROM A PEN PAL | Write a short paragraph about a trip to a famous place in your country. |
| **2** | CLOTHING | Should Secondary School Students wear uniform or casual clothes? |
| **3** | A TRIP TO THE COUNTRYSIDE | Would you like to live in the city or in the countryside? (đề thi tuyển sinh 10) |
| **4** | LEARNING A FOREIGN LANGUAGE | Why do you learn English? |
| **5** | MEDIA | Write a short paragraph about the benefits of the Internet |
| **6** | THE ENVIRONMENT | What should students do to protect the environment? |
| **7** | ENERGY | What should you do to save energy at home? |
| **8** | CELEBRATIONS | Write a short paragraph about the most important celebration in your country. |
| **9** | NATURAL DISASTERS | Write a paragraph about a natural disaster that usually happens in Viet Nam. (sách ôn tuyển sinh 10 của Sở GD-ĐT Bình Dương) |
| **10** | LIFE ON OTHER PLANETS | What would you do if you were a principal? |

Các nhóm đổi chéo bài viết và sử dụng ERROR CORRECTION CODES

để sửa bài.